

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2024

V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- A phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông Châu Văn Bình.

2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - KSV.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Trần Tấn A, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: tổ 29 M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Chị Trần Kim B, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Trần Tấn A trình bày:

Anh và chị Kim B cưới nhau vào năm 2007 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, Tiền Giang, theo số 079 ngày 28/8/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Anh A đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không được, cả hai đã sống ly thân vào tháng 9/2023. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với chị Kim B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đăng C, sinh ngày 09/4/2011 đang sống với anh A và Trần Như D, sinh ngày 15/6/2015, cháu Như D đang sống với chị Kim B. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đăng C, chị Kim B tiếp tục nuôi cháu Như D. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Đối với bị đơn là chị Trần Kim B từ khi Tòa án thụ lý đến nay chị B vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tấn A.

* Tại phiên tòa, anh Trần Tấn A có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn với chị Trần Kim B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đăng C, sinh ngày 09/4/2011 đang sống với anh A và Trần Như D, sinh ngày 15/6/2015, cháu Như D đang sống với chị Kim B. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đăng C, chị Kim B tiếp tục nuôi cháu Như D. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung như đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân anh A, chị B mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ cuối năm 2023 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh A được ly hôn với chị Thảo.

+ Về con chung: Giao con chung tên Trần Đăng C, sinh ngày 09/4/2011 cho anh Trần Tấn A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; con chung Trần Như D, sinh ngày 15/6/2015 cho chị Trần Kim B tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tấn A về việc tranh chấp “ly hôn” với chị Trần Kim B thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Kim B và anh Tấn A cưới nhau vào năm 2007 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện X, Tiền Giang, theo số 079 ngày 28/8/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Anh A đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không được, cả hai đã sống ly thân vào tháng 9/2023. Nay anh A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với chị Kim B. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị B nhưng chị vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, điều đó chứng tỏ chị Kim B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B, anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Đăng C, sinh ngày 09/4/2011 đang sống với anh A có cuộc sống ổn định nên tiếp tục giao cho anh A nuôi dưỡng.

Con chung tên Trần Như D, sinh ngày 15/6/2015 đang sống với chị Kim B. Nên giao cho chị Kim B tiếp tục nuôi cháu Như D.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh Trần Tấn A tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tấn A.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Tấn A được ly hôn với chị Trần Kim B.

2. Về con chung:

Giao cho anh Trần Tấn A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Đăng C, sinh ngày 09/4/2011.

Giao cho chị Trần Kim B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Như D, sinh ngày 15/6/2015.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Anh Trần Tấn A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007154 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên anh đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng